TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DẦU TIẾNG** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 24-5-2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Long Tỵ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Phương Dung;

2. Ông Hồ Đắc Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trần Hoàng Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 749/2018/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2018 về việc "ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 11/2019/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đặng Thị Thủy L, sinh năm 1989; hộ khẩu thường trú: Số A, ấp B, xã C, huyện D, tỉnh Bình Dương.

2. Bị đơn: Ông Hà Văn T, sinh năm 1987; hộ khẩu thường trú: Số A, ấp B, xã C, huyện D, tỉnh Bình Dương

Nguyên đơn bà L có mặt. Bị đơn ông T vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 31/10/2018, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Đặng Thị Thủy L trình bày*:

Bà Đặng Thị Thủy L và ông Hà Văn T chung sống với nhau, hôn nhân tự

nguyện có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện D, tỉnh Bình Dương vào ngày 27/12/2010. Trong quá trình chung sống, vợ chồng không hợp tính tình nên thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng đã không còn sống chung từ tháng 01/2015 cho đến nay. Vì vậy, bà L làm đơn yêu cầu ly hôn với ông T.

Quá trình chung sống, bà L và ông Tài có 01 con chung tên Hà Khánh T1, sinh ngày 29/11/2011. Bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Bà L không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Chứng cứ bà L giao nộp: Bản chính đơn khởi kiện ngày 31/12/2018; bản sao giấy chứng minh nhân dân và bản sao sổ hộ khẩu của bà L; bản chính giấy chứng nhận kết hôn; bản sao giấy khai sinh Hà Khánh T1; bản tự khai của bà L.

Ngoài ra, bà L không có yêu cầu khác, không cung cấp chứng cứ gì thêm.

** Bị đơn ông Hà Văn T:*

Ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia giải quyết vụ án nhưng ông T vắng mặt không có lý do nên không thu thập được ý kiến của ông T.

Tòa án nhân dân huyện D ầu Tiếng , tỉnh Bình Dương tiến hành xác minh chính quyền địa phương tại nơi cư trú về sự mâu thuẫn vợ chồng giữa bà L và ông T, đã xác định được: Quá trình chung sống tại địa phương bà L và ông T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Hiện nay, bà L và ông T không còn chung sống với nhau tại ấp B, xã C, huyện D, tỉnh Bình Dương từ tháng 01/2015 cho đến nay.

** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương có ý kiến:*

Về thủ tục tố tụng: Quá trình tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đã thực hiện đầy đủ việc tống đạt các văn bản tố tụng cho các bên đương sự. Tại phiên tòa, có mặt nguyên đơn bà L, bị đơn ông T được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Việc vắng mặt của bị đơn ông T là cố tình nên đề nghị xét xử vắng mặt đương sự theo các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Không kiến nghị khắc phục, bổ sung các thủ tục tố tụng. Quan hệ pháp luật là ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về ly hôn; về con chung, giao con chung tên Hà Khánh T1, sinh ngày 29/11/2011 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, nguyên đơn bà L có mặt, bị đơn ông T đã được triệu tập đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng để bị đơn ông T thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình khi tham gia giải quyết vụ án. Việc bị đơn ông T vắng mặt tại phiên tòa là cố tình nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T theo quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn bà L khởi kiện yêu cầu ly hôn và tranh chấp về nuôi con đối với bị đơn ông T, kết quả xác minh xác định bị đơn ông T có hộ khẩu thường trú tại ấp B, xã C, huyện D, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và quan hệ pháp luật tranh chấp là ly hôn và tranh chấp về nuôi con.

[3] Theo đơn xin ly hôn ngày 31/12/2018, nguyên đơn bà L khởi kiện ly hôn đối với bị đơn ông T với các yêu cầu: Ly hôn và yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Hà Khánh T1, sinh ngày 29/11/2011 và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà L:

[4.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Nguyên đơn bà L và bị đơn ông T tự nguyện chung sống với nhau, hôn nhân tự nguyện có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện D, tỉnh Bình Dương vào ngày 27/12/2010. Hôn nhân giữa nguyên đơn bà L và bị đơn ông T là hợp pháp và được pháp luật thừa nhận. Nguyên đơn bà L xác định quá trình chung sống bà L và ông T đã xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, do ông T không có trách nhiệm với gia đình, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà L yêu cầu ly hôn với ông T. Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương, xác định: Ông T có hộ khẩu tại địa phương nhưng thường xuyên không sinh sống tại địa phương. Bà L và ông T đã sống ly thân từ tháng 01/2015 cho đến nay. Bị đơn ông T cố tình vắng mặt dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, cho thấy ông T đã không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng và mối quan hệ gia đình. Xét tình trạng hôn nhân giữa bà L và ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể

kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà L được ly hôn với ông T theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4.2] *Về con chung:* Quá trình chung sống, giữa nguyên đơn bà L và bị đơn ông T có 01 con chung tên Hà Khánh T1, sinh ngày 29/11/2011. Nguyên đơn bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, cháu T1 hiện đang sinh sống với bà L. Đồng thời, cháu T1 cũng có nguyện vọng muốn được tiếp tục sống với bà L là tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu T1 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của bà L về việc không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại các Điều 81,82 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4.3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Nguyên đơn bà L không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về nội dung vụ án , các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Nguyên đơn bà L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 5, 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 19, 56, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị Thủy L đối với ông Hà Văn T về việc "ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

1.1. *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Đặng Thị Thủy L được ly hôn với ông Hà Văn T.

1.2. *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con*: Bà Đặng Thị Thủy L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Hà Khánh T1, sinh ngày 29/11/2011. Ghi nhận sự tự nguyện của bà L về việc không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Bà Đặng Thị Thủy L và ông Hà Văn T đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật . Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom , chăm sóc, nuôi dưỡng và g iáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó . Vì lợi ích của con chưa thành niên , Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nu ôi con khi có đơn yêu cầu.

1.3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà L không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

2. Về án phí: Bà Đặng Thị Thủy L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm mà bà L đã nộp theo biên lai thu số: AA/2016/0012737 ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án (ngày 24/5/2019).

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CCTHADS huyện D;
- UBND xã B, huyện D, tỉnh Bình Dương;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Long Tỵ